

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần An K, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1998; Nơi cư trú: Ấp A, xã PVH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1998; Nơi thường trú: Khóm T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Trần An K trình bày: Vào năm 2018, chị và anh Nguyễn Thành S sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã PVH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh, sau khi kết hôn thì sống cùng với gia đình chị. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau và vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 4 năm 2025, anh Nguyễn Thành S trình bày: Anh và chị Nguyễn Trần An K về sống chung với nhau năm 2019, không có làm đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PVH, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi về sống chung thì cả hai thuê nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, xích mích, lời qua tiếng lại, cả hai đã không còn sống chung với nhau 03 năm nay, nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Trần An K được ly hôn với anh Nguyễn Thành S; về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Trần An K và anh Nguyễn Thành S trình bày không có, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Trần An K và anh Nguyễn Thành S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Trần An K và anh Nguyễn Thành S là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trần An K đối với anh Nguyễn Thành S, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị K và anh S thì cuộc sống của vợ chồng anh chị đã không còn hạnh phúc từ năm 2020 do bất đồng quan điểm, xích mích, lời qua tiếng lại, cả hai đã không còn sống chung với nhau 03 năm nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị K và anh S hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Trần An K ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

[4] Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Trần An K và anh Nguyễn Thành S cho rằng không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trần An K, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Trần An K và anh Nguyễn Thành S.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần An K chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014718 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- **UBND X.PVH, H.BC,**
- TP.Hồ Chí Minh;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng